

BẢNG THANH TOÁN TIỀN PHỤ CẤP THỦ THUẬT
THÁNG 11 NĂM 2017

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp việc	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt 144.000đ (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I 64.500đ (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II 34.500đ (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III 24.000đ (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
1	Nguyễn Xuân Thanh	Chính		-	1	37.500		-		-	37.500		Khoa Gây Mê Hồi Sức
2	Phạm Hồng Thanh	Chính		-	3	112.500		-		-	112.500		Khoa Gây Mê Hồi Sức
3	Nông Thị Tuyết Mai	Chính		-	1	37.500		-		-	37.500		Khoa Gây Mê Hồi Sức
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Phụ		-	2	54.000		-		-	54.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
5	Lâm Thị Phương	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
6	Nguyễn Thị Huệ	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
7	Nguyễn Thị Loan	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
8	Nguyễn Tuyết Nhung	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
9	Lã Thị Vân	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
10	Phùng Thu Diệp	Phụ		-	2	54.000		-		-	54.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
11	Phùng Thị Cúc	Phụ		-	1	27.000		-		-	27.000		Khoa Gây Mê Hồi Sức
12	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	Chính		-	8	300.000	103	2.008.500	7	105.000	2.413.500		PK Mắt
13	Nguyễn Thị Phương	Chính		-	14	525.000	105	2.047.500	51	765.000	3.337.500		PK Mắt
14	Vũ Hải Yến	Chính		-	21	787.500	68	1.326.000	37	555.000	2.668.500		PK Mắt
15	Tạ Minh Hoàn	Chính		-	6	225.000	8	156.000	5	75.000	456.000		PK Mắt
16	Phan Thị Dung	Chính		-	7	262.500	12	234.000	4	60.000	556.500		PK Mắt

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp việc	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt 144.000đ (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I 64.500đ (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II 34.500đ (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III 24.000đ (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
17	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	Chính		-	3	112.500	60	1.170.000		-	1.282.500		Khoa Mắt
18	Vũ Hải Yến	Chính		-	2	75.000	44	858.000	9	135.000	1.068.000		Khoa Mắt
19	Tạ Minh Hoàn	Chính		-	14	525.000	141	2.749.500	29	435.000	3.709.500		Khoa Mắt
20	Nguyễn Thị Phương	Chính		-	3	112.500	103	2.008.500	20	300.000	2.421.000		Khoa Mắt
21	Phan Thị Dung	Chính		-	9	337.500	99	1.930.500	19	285.000	2.553.000		Khoa Mắt
22	Tạ Thị Nga	Chính		-	7	262.500	166	3.237.000	37	555.000	4.054.500		Khoa Mắt
23	Vũ Thị Quỳnh Anh	Chính		-		-	1	19.500		-	19.500		Khoa Mắt
24	Trần Cao Quyền	Chính		-		-	1	19.500		-	19.500		Pk Răng Hàm Mặt
25	Lâm Quang Viện	Chính		-	6	225.000	43	838.500		-	1.063.500		Pk Răng Hàm Mặt
26	Đinh Thị Phụng	Chính		-	2	75.000	2	39.000		-	114.000		Pk Răng Hàm Mặt
27	Lò Thị Tâm	Chính		-	1	37.500		-		-	37.500		Khoa Răng Hàm Mặt
28	Tào Hồng Hải	Chính		-		-		-	6	90.000	90.000		Khoa Răng Hàm Mặt
29	Trần Cao Quyền	Chính		-	2	75.000		-	3	45.000	120.000		Khoa Răng Hàm Mặt
30	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Chính	3	252.000	3	112.500	6	117.000	2	30.000	511.500	2 ca TT loại ĐB, 1 ca TT loại 1 làm	Pk Tai Mũi Họng
31	Vương Thùy Vân	Chính		-	16	600.000	49	955.500	14	210.000	1.765.500		Pk Tai Mũi Họng
32	Lưu Văn Kính	Chính		-	44	1.650.000	179	3.490.500	28	420.000	5.560.500		Pk Tai Mũi Họng
33	Nguyễn Quyết Tiến	Chính		-		-		-	15	225.000	225.000		Pk Tai Mũi Họng
34	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Chính		-	221	8.287.500	59	1.150.500	86	1.290.000	10.728.000		Khoa Tai Mũi Họng
35	Hoàng Thị Sinh	Chính		-	1	37.500		-	89	1.335.000	1.372.500		Khoa Tai Mũi Họng
36	Nguyễn Quyết Tiến	Chính		-		-		-	13	195.000	195.000		Khoa Tai Mũi Họng

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp việc	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt 144.000đ (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I 64.500đ (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II 34.500đ (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III 24.000đ (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
37	Lưu Văn Kính	Chính	1	84.000	69	2.587.500	12	234.000	27	405.000	3.310.500	1 ca TT loại ĐB, làm tại phòng	Khoa Tai Mũi Họng
38	Vương Thùy Vân	Chính	2	168.000	240	9.000.000	64	1.248.000	137	2.055.000	12.471.000		Khoa Tai Mũi Họng
39	Xuân Văn Khánh	Chính		-		-	83	1.618.500	145	2.175.000	3.793.500		Khoa CDHA
40	Nguyễn Thị Hường	Chính		-	63	2.362.500	71	1.384.500		-	3.747.000		Khoa TDCN - NSDD
41	Nguyễn Xuân Sơn	Chính		-	10	375.000	22	429.000		-	804.000		Khoa TDCN - NSDD
42	Nguyễn Thị Phương Hà	Chính		-	28	1.050.000	130	2.535.000		-	3.585.000		Khoa TDCN - NSDD
43	Phạm Tuấn Anh	Chính		-	2	75.000	104	2.028.000		-	2.103.000		Khoa TDCN - NSDD
44	Nguyễn Thị Kim Huế	Phụ		-	103	2.781.000	327	4.905.000		-	7.686.000		Khoa TDCN - NSDD
45	Nguyễn Xuân Nghĩa	Chính		-		-		-	49	735.000	735.000		Thăm Dò Chức Năng
46	Trần Văn Học	Chính		-		-		-	128	1.920.000	1.920.000		Thăm Dò Chức Năng
47	Trịnh Tiến Hùng	Chính		-		-		-	183	2.745.000	2.745.000		Thăm Dò Chức Năng
48	Phạm Tuấn Anh	Chính		-		-	70	1.365.000		-	1.365.000		Thăm Dò Chức Năng
49	Lương Thị Thảo Khuyên	Chính		-		-		-	2	30.000	30.000		Khoa HHTM
50	Hứa Thúy Nga	Chính		-		-	11	214.500	9	135.000	349.500		Khoa HHTM
51	Ng Thị Huyền Trang B	Chính		-		-	222	4.329.000		-	4.329.000		Khoa HHTM
52	Đinh Thị Hà	Chính		-		-	34	663.000	226	3.390.000	4.053.000		Khoa Giải Phẫu Bệnh
53	Đỗ Thị Thủy	Chính		-	1	37.500	11	214.500		-	252.000		Khoa Sản
54	Đán Thị Hà	Chính		-		-	16	312.000		-	312.000		Khoa Sản
55	Nguyễn Thị Thập	Chính		-	1	37.500	7	136.500		-	174.000		Khoa Sản
56	Nguyễn Thị Nhi	Chính		-		-	7	136.500	8	120.000	256.500		Khoa Sản

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp việc	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt 144.000đ (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I 64.500đ (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II 34.500đ (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III 24.000đ (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
57	Hoàng Thị Nhở	Chính		-		-	12	234.000	5	75.000	309.000		Khoa Sản
58	Đặng Thị Ngân	Chính		-		-	16	312.000	1	15.000	327.000		Khoa Sản
59	Hoàng Thị Giang	Chính		-		-	4	78.000		-	78.000		Khoa Sản
60	Nguyễn Thị Liên	Chính		-		-	17	331.500	7	105.000	436.500		Khoa Sản
61	Phùng Thị Duyên	Chính		-		-	7	136.500	4	60.000	196.500		Khoa Sản
62	Nguyễn Thị Hạnh	Chính		-		-	10	195.000		-	195.000		Khoa Sản
63	Sin Thị Huyền	Chính		-		-	11	214.500		-	214.500		Khoa Sản
64	Lâm Kim Ngân	Chính		-		-	4	78.000		-	78.000		Khoa Sản
65	Bùi Mạnh Ngân	Chính		-		-	6	117.000		-	117.000		Khoa Sản
66	Nguyễn Thị Xuyên	Chính		-		-	1	19.500		-	19.500		Khoa Sản
67	Hà Thị Thanh Thủy	Chính		-		-	8	156.000	2	30.000	186.000		Khoa Sản
68	Nguyễn Hoàng Thạch	Chính		-		-	2	39.000		-	39.000		Khoa Sản
69	Nguyễn Thị Kim Liên	Chính		-	89	3.337.500		-		-	3.337.500		Khoa Nhi
70	Nguyễn Thị Thu Hà	Chính		-	15	562.500	1	19.500		-	582.000		Khoa Nhi
71	Nguyễn Thị Minh Trâm	Chính		-	9	337.500		-		-	337.500		Khoa Nhi
72	Lương Cao Đạt	Chính		-	2	75.000		-		-	75.000		Khoa Nhi
73	Vũ Thị Minh Nga	Chính		-		-		-	1	15.000	15.000		Khoa Nhi
74	Dương Thị Hiền	Chính		-		-		-	7	105.000	105.000		Khoa Nhi
75	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Chính		-		-		-	1	15.000	15.000		Khoa Nhi
76	Phan Thị Xuân	Chính		-		-	1	19.500	4	60.000	79.500		Khoa Nhi

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp việc	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt 144.000đ (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I 64.500đ (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II 34.500đ (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III 24.000đ (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
77	Nguyễn Thị Hợp	Chính		-		-	1	19.500	19	285.000	304.500		Khoa Nhi
78	Vũ Anh Tuyển	Chính		-		-		-	3	45.000	45.000		Khoa Nhi
79	Đỗ Thị Lan Hương	Chính		-		-	1	19.500	6	90.000	109.500		Khoa Nhi
80	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Chính		-	15	562.500		-		-	562.500		Khoa Nhi
81	Nguyễn Thị Hồng Nhân	Chính		-	12	450.000		-		-	450.000		Khoa Nhi
82	Ma Tường Huy	Chính		-	12	450.000		-		-	450.000		Khoa Nhi
83	Ngô Vinh Quang	Chính		-		-		-	4	60.000	60.000		Khoa Nhi
84	Ngô Thị Tuyết	Chính		-		-		-	6	90.000	90.000		Khoa Nhi
85	Chu Hồng Vũ	Chính		-		-		-	7	105.000	105.000		Khoa Nhi
86	Trần Thu Hà	Chính		-		-		-	7	105.000	105.000		Khoa Nhi
87	Viên Thị Tuyền	Chính		-		-		-	3	45.000	45.000		Khoa Nhi
88	Lương Thị Phúc	Chính		-		-	1	19.500	8	120.000	139.500		Khoa Nhi
89	Mường Tiến Đức	Chính		-		-	1	19.500	6	90.000	109.500		Khoa Nhi
90	Hoàng Thị Huế	Chính		-		-		-	4	60.000	60.000		Khoa Nhi
91	Đỗ Thị Diệp	Chính		-	4	150.000		-		-	150.000		Khoa Nhi
94	Nguyễn Thị Luyến	Chính		-		-		-	1	15.000	15.000		Khoa TM - NT
93	Trịnh Tiến Hùng	Chính		-		-		-	44	660.000	660.000		Khoa TM - NT
95	Nguyễn Văn Sang	Chính		-		-	1	19.500	78	1.170.000	1.189.500		Khoa TM - NT
95	Đỗ Trung Kiên	Chính		-	5	187.500		-	8	120.000	307.500	Làm 5 ca TT loại 1 tại phòng mổ	Khoa Ngoại tổng hợp
96	Bùi Ngọc Hân	Chính		-		-		-	116	1.740.000	1.740.000		Khoa Ngoại tổng hợp

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp việc	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt 144.000đ (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I 64.500đ (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II 34.500đ (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III 24.000đ (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
97	Lộc Trần Thịnh	Chính		-		-		-	46	690.000	690.000		Khoa Ngoại tổng hợp
98	Bùi Qunang Thái	Chính		-		-		-	64	960.000	960.000		Khoa Ngoại tổng hợp
99	Nghiêm Xuân Việt	Chính	1	84.000		-		-		-	84.000		Khoa Ung Bướu
100	Quan Thị Vên	Chính		-		-		-	43	645.000	645.000		Khoa Ung Bướu
101	Lê Văn Lợi	Chính		-	7	262.500	7	136.500		-	399.000		PK Ngoại - CTCH
102	Lê Văn Lợi	Chính	1	84.000	7	262.500	2	39.000	47	705.000	1.090.500		Khoa CTCH
103	Ngọc Thanh Phương	Chính	1	84.000	3	112.500	6	117.000	61	915.000	1.228.500		Khoa CTCH
104	Đào Thùy Dương	Chính		-		-	1	19.500	55	825.000	844.500		Khoa CTCH
105	Phạm Văn Cường	Chính	2	168.000	4	150.000	3	58.500	24	360.000	736.500		Khoa CTCH
106	Phạm Ngọc Nam	Chính		-		-	7	136.500	45	675.000	811.500		Khoa CTCH
107	Nguyễn Xuân Sơn	Chính		-	4	150.000		-	25	375.000	525.000		Khoa Cấp Cứu
108	Nguyễn Thị Minh Tâm	Chính		-	37	1.387.500	2	39.000	87	1.305.000	2.731.500		Khoa Cấp Cứu
109	Lê Ánh Hồng Phong	Chính		-	18	675.000	1	19.500	126	1.890.000	2.584.500		Khoa Cấp Cứu
110	Trần Văn Học	Chính	1	84.000	41	1.537.500	3	58.500	32	480.000	2.160.000		Khoa HSTC&CĐ
111	Trần Văn Hiếu	Chính		-	53	1.987.500	4	78.000	27	405.000	2.470.500		Khoa HSTC&CĐ
112	Tô Hữu Toại	Chính	4	336.000	41	1.537.500	1	19.500	39	585.000	2.478.000		Khoa HSTC&CĐ
113	Trần Văn Học	Chính		-	1	37.500	399	7.780.500		-	7.818.000		Khoa HSTC&CĐ - Thận nhân tạo
114	Trần Văn Hiếu	Chính		-	5	187.500	429	8.365.500		-	8.553.000		Khoa HSTC&CĐ - Thận nhân tạo
115	Hoàng Thị Liễu	Chính		-		-		-	396	5.940.000	5.940.000		Khoa PHCN

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp việc	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt 144.000đ (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I 64.500đ (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II 34.500đ (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III 24.000đ (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
116	Hoàng Thị Thu	Chính		-		-		-	269	4.035.000	4.035.000		Khoa PHCN
117	Đoàn Thị Cúc	Chính		-		-		-	257	3.855.000	3.855.000		Khoa PHCN
118	Lê Thị Thủy	Chính		-		-		-	417	6.255.000	6.255.000		Khoa PHCN
119	Bùi Tuyết Trinh	Chính		-		-		-	400	6.000.000	6.000.000		Khoa PHCN
120	Lê Đình Thủy	Chính		-		-		-	179	2.685.000	2.685.000		Khoa PHCN
121	Đỗ Thị Thảo	Chính		-		-		-	256	3.840.000	3.840.000		Khoa PHCN
122	Mai Thị Khởi	Chính		-		-		-	458	6.870.000	6.870.000		Khoa PHCN
123	Ly Thị Chùm	Chính		-		-		-	514	7.710.000	7.710.000		Khoa PHCN
124	Vũ Thị Tiên	Chính		-		-		-	356	5.340.000	5.340.000		Khoa PHCN
125	Nguyễn Thị Duyên	Chính		-		-	392	7.644.000	161	2.415.000	10.059.000		Khoa YHCT
126	Dương Hồng Chuyên	Chính		-		-	585	11.407.500	137	2.055.000	13.462.500		Khoa YHCT
127	Nguyễn Thị Loan	Chính		-		-	191	3.724.500	116	1.740.000	5.464.500		Khoa YHCT
128	Tô Thị Thu Trang	Chính		-		-	295	5.752.500	108	1.620.000	7.372.500		Khoa YHCT
129	Bùi Thu Hà	Chính		-		-	443	8.638.500	191	2.865.000	11.503.500		Khoa YHCT
130	Trần Thị Tuyết	Chính		-		-	252	4.914.000	83	1.245.000	6.159.000		Khoa YHCT
131	Nguyễn Thị Giang	Chính		-		-	309	6.025.500	111	1.665.000	7.690.500		Khoa YHCT
132	Chu Thị Hương	Chính		-		-	180	3.510.000	76	1.140.000	4.650.000		Khoa YHCT
133	Phan Thị Vân Hồ	Chính		-		-	245	4.777.500	119	1.785.000	6.562.500		Khoa YHCT

TT	Họ và tên	Cấp bậc thủ thuật chính phụ hay giúp việc	Mức phụ cấp theo quyết định số: 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/11/2011;								Tổng tiền	Ghi chú	Khoa phòng
			Thủ thuật đặt biệt 144.000đ (C: 84.000đ/ca, P: 60.000đ/ca)		Thủ thuật loại I 64.500đ (C: 37.500đ/ca, P: 27.000đ/ca)		Thủ thuật loại II 34.500đ (C: 19.500đ/ca, P: 15.000đ/ca)		Thủ thuật loại III 24.000đ (C:15.000đ/ca, P: 9.000đ/ca)				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
134	Đỗ Thị Đẹp	Chính		-	4	150.000		-		-	150.000		Khoa Da Liễu
135	Trần Vũ Giang	Chính		-	5	187.500		-		-	187.500		Khoa Da Liễu
136	Đàm Như Hoa	Chính		-	2	75.000		-		-	75.000		Khoa Da Liễu
	Tổng cộng		16	1.344.000	1.317	48.201.000	6.302	121.417.500	7.065	105.975.000	276.937.500		1

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 25 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

BẢNG THANH TOÁN PHỤ CẤP PHẪU THUẬT TẠI KHOA THÁNG 11 NĂM 2017

TT	Họ và tên	Cấp bậc Phẫu thuật chính	Mức phụ cấp theo quyết định 73/2011								Tổng tiền	Số tiền thực lĩnh	Khoa phòng
			Phẫu thuật Đặc biệt		Phẫu thuật loại I		Phẫu thuật loại II		Phẫu thuật loại III				
			Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền	Số Ca	Thành tiền			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Lâm Quang Viện	Chính		-		-	1	65.000	40	2.000.000	2.065.000	2.065.000	Pk Răng Hàm Mặt
	Tào Hồng Hải	Chính		-		-		-	1	50.000	50.000	50.000	Khoa Răng Hàm Mặt
3	Trần Cao Quyền	Chính		-		-		-	2	100.000	100.000	100.000	Khoa Răng Hàm Mặt
4	Lâm Quang Viện	Chính		-		-		-	2	100.000	100.000	100.000	Khoa Răng Hàm Mặt
	Cộng PT viên chính		-	-	-	-	1	65.000	45	2.250.000	2.315.000	2.315.000	1
1	Đinh Thị Phụng	Phụ		-		-		-	38	570.000	570.000	570.000	Pk Răng Hàm Mặt
2	Hoàng Thị Giang	Phụ		-		-	1	30.000	2	30.000	60.000	60.000	Pk Răng Hàm Mặt
3	Lương Văn Hiệp	Phụ		-		-		-	2	30.000	30.000	30.000	Khoa Răng Hàm Mặt
4	Đỗ Tân Điệp	Phụ		-		-		-	3	45.000	45.000	45.000	Khoa Răng Hàm Mặt
	Cộng PT viên phụ		-	-	-	-	1	30.000	45	675.000	705.000	705.000	1
	Tổng cộng		-	-	-	-	2	95.000	90	2.925.000	3.020.000	3.020.000	1

Tổng số tiền bằng chữ: Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 25 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thi Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN PHỤ CẤP THỦ THUẬT (Tập 2)
THÁNG 11 NĂM 2017

TT	Tên khoa, phòng	Phẫu thuật tại khoa	Thủ thuật	Tổng số	Ghi chú
1	Khoa Gây Mê Hồi Sức		457.500	457.500	
2	Pk Mắt		9.432.000	9.432.000	
3	Khoa Mắt		15.108.000	15.108.000	
4	Pk Răng Hàm Mặt	2.695.000	1.197.000	3.892.000	
5	Khoa Răng Hàm Mặt	325.000	247.500	572.500	
6	Pk Tai Mũi Họng		8.062.500	8.062.500	
7	Khoa Tai Mũi Họng		28.077.000	28.077.000	
8	Khoa CDHA		3.793.500	3.793.500	
9	Khoa TDCN - NSDD		17.925.000	17.925.000	
10	Thăm dò Chức Năng		6.765.000	6.765.000	
11	Khoa HHTM		4.708.500	4.708.500	
12	Khoa Giải Phẫu Bệnh		4.053.000	4.053.000	
13	Khoa Sản		3.190.500	3.190.500	
14	Khoa Nhi		7.332.000	7.332.000	
15	Khoa TM - NT		1.864.500	1.864.500	
16	Khoa Ngoại Tổng Hợp		3.697.500	3.697.500	
17	Khoa Ung Bướu		729.000	729.000	
18	PK Ngoại - CTCH		399.000	399.000	
19	Khoa CTCH		4.711.500	4.711.500	
20	Khoa Cấp Cứu		5.841.000	5.841.000	
21	Khoa HSTC&CD		7.108.500	7.108.500	
22	Khoa HSTC&CD - Thận nhân tạo		16.371.000	16.371.000	
23	Khoa PHCN		52.530.000	52.530.000	

TT	Tên khoa, phòng	Phẫu thuật tại khoa	Thủ thuật	Tổng số	Ghi chú
24	Khoa YHCT		72.924.000	72.924.000	
25	Khoa Da Liễu		412.500	412.500	
	TỔNG	3.020.000	276.937.500	279.957.500	

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.

Ghi chú: Tập 1 : 119.660.000đ

Tập 2 : 160.297.500đ

Tổng cộng : 279.957.500đ

Hà Giang, ngày 25 tháng 12 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh